

Số: /2021/TT-TTCP

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

Dự thảo lần 4

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra và
định mức biên chế công chức trong cơ quan thanh tra nhà nước**

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ; Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 50/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

Tổng Thanh tra Chính phủ ban hành Thông tư hướng dẫn vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra và định mức biên chế công chức trong cơ quan thanh tra nhà nước.

Chương I **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn về vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra và định mức biên chế công chức trong cơ quan thanh tra nhà nước.

2. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan thanh tra nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Thanh tra, bao gồm: Thanh tra Chính phủ, Thanh tra bộ, Thanh tra tỉnh, Thanh tra sở và Thanh tra huyện.

Điều 2. Nguyên tắc xác định vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra và định mức biên chế công chức trong cơ quan thanh tra nhà nước

1. Việc xác định vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra và định mức biên chế công chức trong cơ quan thanh tra nhà nước phải phù hợp với các nguyên tắc được quy định tại Điều 3 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và biên chế công chức (sau đây gọi tắt là Nghị định số 62/2020/NĐ-CP).

2. Việc xác định định mức biên chế không được vượt quá số lượng biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao.

3. Bảo đảm thống nhất, đồng bộ với các quy định pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

Điều 3. Căn cứ xác định vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra và định mức biên chế công chức trong cơ quan thanh tra nhà nước

1. Căn cứ xác định vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra:

a) Việc xác định vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP;

- b) Danh mục vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra;
- c) Tình hình thực tế trong triển khai thực hiện nhiệm vụ tại cơ quan, tổ chức.

2. Căn cứ xác định định mức biên chế công chức trong cơ quan thanh tra nhà nước:

- a) Việc xác định định mức biên chế công chức được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP;
- b) Quy trình quản lý chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành (nếu có);
- c) Kế hoạch và lộ trình tinh giản biên chế theo quy định của Chính phủ.

Chương II

VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH THANH TRA

Điều 4. Nhóm vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra

1. Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra gồm 4 nhóm, cụ thể như sau:

- a) Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý;
- b) Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra;
- c) Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung (tài chính, kế hoạch, đầu tư, pháp chế, hợp tác quốc tế, tổ chức cán bộ, thi đua khen thưởng, văn phòng và một số vị trí việc làm đặc thù khác);
- d) Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ.

2. Chi tiết vị trí việc làm quy định tại các điểm a, c và d khoản 1 Điều này thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước được giao phụ trách ngành, lĩnh vực.

Điều 5. Danh mục vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra

1. Danh mục vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra gồm 20 vị trí việc làm và bản mô tả từng vị trí việc làm thuộc 04 lĩnh vực quản lý nhà nước về thanh tra; tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng trong phạm vi cả nước.

2. Đối với mỗi vị trí việc làm có ngạch công chức tương ứng, phạm vi áp dụng và bản mô tả vị trí việc làm phù hợp đảm bảo theo đặc thù, điều kiện thực

tế của từng cơ quan, đơn vị cụ thể từ phụ lục 01 đến phụ lục 21 được ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Quy trình xây dựng, tổng hợp danh mục vị trí việc làm và bản mô tả vị trí việc làm

1. Bước 1: Thống kê, rà soát, phân tích công việc theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức trong đó có thông tin về sản phẩm và tiêu chí đánh giá hoàn thành công việc (*thực hiện theo Biểu số 01*).

2. Bước 2: Phân tích tổ chức để phát hiện công việc, nhiệm vụ còn bỏ sót hoặc chồng chéo để đề xuất điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

3. Bước 3: Phân nhóm công việc, đồng thời xác định mức độ phức tạp của công việc, xác định cơ cấu ngạch công chức (*thực hiện theo Biểu số 02*).

4. Bước 4: Xác định vị trí việc làm cho từng cơ quan, đơn vị bằng cách kết hợp kết quả của phân nhóm công việc, mảng công việc và mức độ phức tạp của công việc. Xây dựng danh mục vị trí việc làm (*thực hiện theo biểu số 03*).

5. Bước 5: Xác định khung năng lực và bản mô tả vị trí việc làm (*thực hiện theo Biểu số 04*).

6. Bước 6: Hoàn chỉnh, tổng hợp danh mục, bản mô tả vị trí việc làm.

Điều 7. Trình tự phê duyệt vị trí việc làm

Trình tự phê duyệt vị trí việc làm của các cơ quan thanh tra nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP.

Điều 8. Hồ sơ trình, nội dung và thời hạn thẩm định đề án vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức

Hồ sơ trình, nội dung và thời hạn thẩm định đề án vị trí việc làm của các cơ quan thanh tra nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP.

Điều 9. Điều chỉnh vị trí việc làm

1. Việc điều chỉnh vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức được thực hiện trong các trường hợp có sự thay đổi một trong các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này.

2. Trình tự, hồ sơ điều chỉnh vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức thực hiện theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 Thông tư này kèm theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến việc điều chỉnh vị trí việc làm.

Chương III
ĐỊNH MỨC BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC TRONG
CƠ QUAN THANH TRA NHÀ NƯỚC

Điều 10. Định mức biên chế công chức tại Thanh tra Chính phủ

1. Đối với các vụ không có cấp phòng được quy định cụ thể như sau:

a) Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng: định mức biên chế thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành;

b) Công chức: bố trí công chức đạt tối thiểu 15 biên chế công chức.

2. Đối với các vụ, cục, Ban Tiếp công dân trung ương, Văn phòng có cấp phòng được quy định cụ thể như sau:

a) Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng; Cục trưởng, Phó Cục trưởng; Trưởng ban, Phó Trưởng ban: định mức biên chế thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành;

b) Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thuộc các vụ, cục, Ban Tiếp công dân trung ương, Văn phòng: định mức biên chế thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

c) Công chức: bố trí công chức đảm bảo đạt tối thiểu 30 biên chế công chức. Bố trí công chức đảm bảo tổng số công chức của phòng thuộc các vụ, cục, Ban Tiếp công dân trung ương, Văn phòng đạt tối thiểu 07 biên chế công chức.

Điều 11. Định mức biên chế công chức đối với Thanh tra bộ

1. Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra bộ: định mức biên chế thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thuộc Thanh tra bộ: định mức biên chế thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Công chức:

a) Bố trí công chức của Thanh tra bộ đảm bảo tối thiểu 30 biên chế công chức. Riêng đối với Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ, Thanh tra Ủy ban dân tộc bố trí công chức đảm bảo đạt tối thiểu 15 biên chế công chức.

b) Bố trí công chức của phòng thuộc Thanh tra bộ đảm bảo tối thiểu 07 biên chế công chức.

Điều 12. Định mức biên chế công chức đối với Thanh tra tỉnh

1. Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra tỉnh: định mức biên chế thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thuộc Thanh tra tỉnh: định mức biên chế thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Công chức:

a) Bố trí công chức của Thanh tra tỉnh đảm bảo tối thiểu 30 biên chế công chức.

b) Bố trí công chức của phòng thuộc Thanh tra tỉnh đảm bảo tối thiểu 07 biên chế công chức đối với Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh; 06 biên chế công chức đối với cấp tỉnh loại I; 05 biên chế công chức đối với cấp tỉnh loại II và loại III.

Điều 13. Định mức biên chế công chức đối với Thanh tra sở

1. Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra sở: định mức biên chế được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Bố trí công chức của Thanh tra sở đảm bảo tối thiểu 07 biên chế công chức đối với Thanh tra sở của Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh; 06 biên chế công chức đối với Thanh tra sở của cấp tỉnh loại I; 05 biên chế công chức đối với Thanh tra sở của cấp tỉnh loại II và loại III.

Điều 14. Định mức biên chế công chức đối với Thanh tra huyện

1. Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra huyện: định mức biên chế được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Bố trí công chức của Thanh tra huyện đảm bảo tối thiểu 05 biên chế công chức.

Điều 15. Định mức biên chế công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung

Định mức biên chế công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung được thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước được giao phụ trách ngành, lĩnh vực.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2021.

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc có khó khăn, vướng mắc, các bộ, cơ quan ngang bộ, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phản ánh kịp thời về Thanh tra Chính phủ để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- Thanh tra bộ, cơ quan ngang bộ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thanh tra Chính phủ: Tổng TTCP, các Phó Tổng TTCP, các vụ, cục, đơn vị thuộc TTCP;
- Công báo;
- Cổng TTĐT Thanh tra Chính phủ;
- Lưu: VT, TCCB.

TỔNG THANH TRA

Đoàn Hồng Phong